

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số 4063/BGDĐT-HTQT

V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 86/2018/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Các cơ sở giáo dục đại học

Theo phân công nhiệm vụ xây dựng Văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2021 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Căn cứ quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng kính gửi Quý Đơn vị dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2021 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (văn bản dự thảo kèm theo) để xin ý kiến góp ý.

Văn bản góp ý của Quý Đơn vị xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Hợp tác quốc tế) số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội trước ngày 02/10/2021 để tổng hợp.

Thông tin liên hệ: Cục Hợp tác quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số điện thoại: 0977.357.646; e-mail: htqt@moet.gov.vn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Đơn vị. *P*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, HTQT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc
Nguyễn Văn Phúc

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

Kính gửi: Chính phủ

Theo kế hoạch soạn thảo văn bản năm 2021 của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo được phân công chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi là Nghị định).

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 86/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục được ban hành ngày 06 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 8 năm 2018 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86). Nghị định số 86 được xây dựng trên cơ sở các văn bản luật có hiệu lực tại thời điểm năm 2018, cụ thể là: (i) Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009; (ii) Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; (iii) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (iv) Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Đến thời điểm hiện tại, các văn bản luật nêu trên đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, cụ thể là:

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 được ban hành ngày 19/11/2018, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2019;

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được ban hành ngày 14/6/2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020;
- Luật Đầu tư 2020 được thông qua vào ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Luật Doanh nghiệp 2020 được ban hành ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021.

Trong các năm 2019 và 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện các hoạt động rà soát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp tác, đầu tư với nước ngoài của các cơ sở giáo dục, trong đó có việc thực hiện các quy định của Nghị định số 86. Các báo cáo rà soát cho thấy, sau 03 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận trong việc tạo hành lang pháp lý cho các cá nhân, tổ chức nước ngoài tham gia vào quá trình phát triển giáo dục của Việt Nam, Nghị định số 86 có một số quy định chưa đồng bộ với các Luật mới ban hành, Bên cạnh đó Nghị định số 86 cũng đã bộc lộ một số điểm bất cập, chưa phù hợp với thực tế, Cụ thể một số vấn đề chính là:

Đối tượng liên kết giáo dục chưa bao phủ hết các đối tượng nước ngoài tham gia liên kết, đó là các tổ chức giáo dục có uy tín như Tổ chức Tú tài quốc tế, Hội đồng khảo thí Cambridge...

Quy định hiện hành về quy hoạch và đầu tư có những điểm khác biệt với quy định trong Nghị định số 86, đó là hầu hết các địa phương không có quy hoạch về mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

Việc thực hiện công khai các yếu tố nước ngoài của cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài về chương trình giáo dục, giáo viên nước ngoài, quốc tịch học sinh cũng còn những hạn chế, dẫn đến người học và phụ huynh học sinh chưa nắm rõ nội dung cụ thể các cơ sở giáo dục có chữ “quốc tế”.

Nghị định số 86 chưa có quy định chương trình giáo dục nước ngoài phải là chương trình giáo dục được một cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc được kiểm định, việc này dẫn đến việc không có quản lý, kiểm soát về mục tiêu, nội dung của chương trình giáo dục nước ngoài tại các cơ sở giáo dục.

Về điều kiện diện tích đất và các điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, đã có một số quy định mới về chuẩn cơ sở giáo dục tại Việt Nam. Cần xem xét để điều chỉnh quy định cho phù hợp.

Về liên kết đào tạo bậc đại học với nước ngoài, Luật giáo dục đại học sửa đổi và Nghị định hướng dẫn Luật đã có những quy định mới liên quan nội dung này theo hướng tăng quyền tự chủ của cơ sở giáo dục, tăng cường hậu kiểm. Các quy định trong Nghị định số 86 cần được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp.

Đối với việc thanh kiểm tra, xử lý khiếu nại, tố cáo và khen thưởng, Nghị định số 86 mới quy định trách nhiệm ở cấp Bộ, chưa quy định ở cấp tỉnh, thành phố. Vì lý do đó, cần bổ sung trách nhiệm thanh kiểm tra, giám sát, đánh giá và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, nêu rõ trách nhiệm của địa phương trong việc quản lý các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

Do đó, để giải quyết các vấn đề tồn tại, bất cập và đảm bảo tính pháp chế trong hoạt động xây dựng pháp luật, việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86 để trình Chính phủ xem xét, ban hành là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Nội dung Nghị định phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp và các Luật liên quan. Nghị định nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện trên thực tế thời gian qua, giải quyết những vấn đề mới phát sinh, một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành và góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Bảo đảm công tác quản lý nhà nước, bảo vệ quyền lợi của người học, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phù hợp với quan điểm của Đảng, Chính phủ về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

3. Tạo điều kiện thu hút hợp tác, đầu tư nước ngoài có chất lượng, có chọn lọc, đảm bảo “phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” (Điều 2, Luật Giáo dục 2019).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và khảo sát thực tế tại các địa phương có nhiều hoạt động hợp tác, đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, đã nghiên cứu các quy định tại các văn bản luật liên quan hiện hành.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập theo Quyết định số 1626/QĐ-BGDĐT ngày 27/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo với sự tham gia của đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đại diện một số cơ sở giáo dục và chuyên gia giáo dục.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo để lấy ý kiến đóng góp của Lãnh đạo Bộ và các đơn vị chức năng thuộc. Đồng thời, đã gửi

văn bản xin ý kiến của các Bộ ngành, địa phương, cơ sở giáo dục. Gửi văn bản tới Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến các tổ chức, đơn vị, nhà đầu tư liên quan và đối tượng chịu tác động. Các ý kiến tham gia góp ý đã được nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi.

5. Ngày ***/***/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số ***/BGDDĐT-HTQT đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của Nghị định

Tên gọi của Nghị định: **“Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục”**.

Bố cục của Nghị định gồm 03 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

Nghị định sửa đổi, bổ sung tập trung vào các quy định quản lý các các yếu tố liên quan đến chương trình giáo dục, người học, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và công khai minh bạch các yếu tố nước ngoài. Một số nội dung chính dự kiến sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Bổ sung đối tượng thực hiện liên kết giáo dục: Bổ sung đối tượng thực hiện liên kết giáo dục là các cơ sở giáo dục tự thực được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (không phân biệt vốn đầu tư trong nước hay nước ngoài) và tổ chức giáo dục có uy tín, kinh nghiệm và chất lượng hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục.

2. Bổ sung quy định cho phép đầu tư theo lộ trình để tạo điều kiện cho nhà đầu tư trong giai đoạn đầu, quy mô tuyển sinh chưa đạt mức tối đa. Tuy nhiên, nhà đầu tư phải có cam kết đầu tư đủ sau 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động.

3. Sửa đổi nội dung liên quan đến quy hoạch khi cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành lập cơ sở giáo dục để phù hợp quy định Luật giáo dục đại học và Luật quy hoạch.

4. Bổ sung quy định về công khai cụ thể các yếu tố nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục như: (i) chương trình giáo dục nước ngoài và kiểm định; (ii) giáo viên người nước ngoài; (iii) quốc tịch học sinh để đảm bảo việc minh bạch thông tin.

5. Bổ sung quy định về việc đăng ký thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài cho học sinh Việt Nam đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài thành lập mới hoặc mới bắt đầu thực hiện dạy chương trình giáo dục của nước ngoài. Mục tiêu là các chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho đối tượng học sinh là người Việt Nam phải là chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận, bảo đảm quyền lợi của người học.

6. Bổ sung, điều chỉnh một số *quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài* để phù hợp quy định về *tự chủ* của cơ sở GDĐH theo Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018.

7. Bổ sung trách nhiệm thanh kiểm tra, giám sát, đánh giá và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, nêu rõ trách nhiệm của địa phương trong việc quản lý các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

8. Sửa đổi một số nội dung trong các quy định về cơ sở vật chất, thiết bị của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài cho phù hợp với các quy định hiện hành theo nguyên tắc, quy định đối với đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục không thấp hơn so với đầu tư trong nước.

VI. TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

1. Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định. *Báo cáo tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo.*

2. Tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Tư pháp

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Nghị định. *Báo cáo tiếp thu, giải trình kèm theo.*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Hồ sơ gửi kèm:

- Dự thảo Nghị định.
- Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh và tổ chức có liên quan; kèm bản chụp Công văn góp ý.
- Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HTQT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 01 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 và bổ sung khoản 8 vào Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 như sau:

“4. Liên kết giáo dục là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài để thực hiện chương trình giáo dục tích hợp.

5. Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động tại Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ nhưng không hình thành pháp nhân mới”;

b) Bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục đào tạo hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với cơ quan, tổ chức, cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài để thực hiện việc đăng ký dự thi, sử dụng địa điểm, tổ chức thi, kiểm tra trình độ, năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam thông qua văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết”.

2. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Cơ sở giáo dục sau khi được nhà đầu tư khác góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thì phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền đã cấp quyết định thành lập và hoạt động.”

3. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đối tượng liên kết giáo dục

1. Cơ sở giáo dục mầm non tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

2. Tổ chức, cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Cung cấp đầy đủ và rõ ràng trên trang thông tin điện tử và tài liệu quảng cáo khác của cơ sở giáo dục các thông tin về người học, chương trình giáo dục và kiểm định, giáo viên nước ngoài, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, các nội dung khác theo quy định của Bộ GDĐT và chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Đối tượng liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

a) Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
b) Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Chương trình đào tạo của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam là chương trình của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử;

không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và phải bảo đảm điều kiện liên thông giữa các trình độ đào tạo.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Liên kết đào tạo không được tổ chức đào tạo ngoài trụ sở chính và phân hiệu của cơ sở giáo dục Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đối với tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

a) Địa điểm, cơ sở vật chất, thiết bị và đội ngũ phục vụ liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải đảm bảo an toàn, chất lượng cho công tác tổ chức thi;

b) Có phương án, thiết bị đảm bảo phòng, chống gian lận trong toàn bộ quá trình tổ chức thi;

c) Đội ngũ coi thi, giám sát và phục vụ phải được bồi dưỡng, tập huấn công tác đảm bảo chống gian lận.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt:

a) Liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

b) Liên kết đào tạo với nước ngoài đối với ngành đào tạo giáo viên, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe sau khi có ý kiến của bộ, ngành liên quan; liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ với nước ngoài theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này”.

2. Giám đốc đại học quốc gia, đại học vùng phê duyệt liên kết đào tạo theo hình thức trực tiếp trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được tổ chức tại những cơ sở này trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Hiệu trưởng (Giám đốc) các cơ sở giáo dục đại học phê duyệt chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo hình thức trực tiếp khi đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 45 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

4. Hiệu trưởng (Giám đốc) cơ sở giáo dục đại học Việt Nam phê duyệt liên kết đào tạo cấp chứng chỉ, trừ chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài và chứng chỉ đào tạo có giá trị tích lũy tín chỉ hoặc học phần để cấp văn bằng”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau:

“2. Tên riêng của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài phải bảo đảm rõ ràng, minh bạch, không gây hiểu sai về tổ chức và nội dung hoạt động của nhà trường; không được đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ sở giáo dục đã đăng ký, với tên của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư; không sử dụng từ ngữ,

ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 như sau:

“1. Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng yêu cầu sau về quy hoạch:

a) Đối với cơ sở giáo dục đại học: Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm.

b) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông: Phù hợp với nội dung quy hoạch tỉnh [thành phố trực thuộc trung ương] theo quy định của Luật quy hoạch.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông phải có suất đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, đến thời điểm thẩm định cho phép hoạt động giáo dục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 50% tổng số vốn đầu tư và nhà đầu tư phải cam kết đầu tư đủ số vốn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số nhóm lớp, số trẻ với bình quân ít nhất 10 m²/trẻ đối với khu vực thành phố, thị xã và 12 m²/trẻ đối với khu vực nông thôn;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Trường tập trung tại một địa điểm, có môi trường tốt. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh, với mức bình quân ít nhất là 10 m²/học sinh;”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chương trình giáo dục nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận về chất lượng giáo dục hoặc được kiểm định chất lượng giáo dục ở nước sở tại;

b) Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo;

d) Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm a, b và c khoản này.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Chương trình giáo dục tích hợp, chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài.”.

14. Bổ sung Điều 37a, Điều 37b, Điều 37c vào sau Điều 37 như sau:

“Điều 37a. Đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam

1. Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài thành lập mới hoặc mới bắt đầu thực hiện dạy chương trình giáo dục của nước ngoài cho học sinh Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam:

a) Bản đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài đối với học sinh Việt Nam;

b) Chương trình giáo dục của nước ngoài;

c) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

d) Các minh chứng cho việc đảm bảo chất lượng giáo dục khi thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài theo quy định;

đ) Các cam kết đảm bảo quyền lợi của học sinh Việt Nam về văn bằng, chứng chỉ được cấp khi hoàn thành chương trình giáo dục nước ngoài.

Điều 37b. Thẩm quyền, thủ tục đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp giấy chứng nhận đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài;

2. Thủ tục đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam:

a) Sở giáo dục và đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 37a Nghị định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm xem xét và thông báo kết quả bằng văn bản gửi sở giáo dục và đào tạo;

c) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho sở giáo dục và đào tạo đã nộp hồ sơ.

Điều 37c. Đình chỉ hoặc chấm dứt việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam

1. Việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam bị đình chỉ nếu không bảo đảm một trong các nội dung quy định tại các điều 37, 37a Nghị định này.

2. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục khi bị đình chỉ thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam:

a) Khắc phục các vi phạm dẫn đến việc đình chỉ;

b) Bảo đảm học sinh đang theo học chương trình giáo dục nước ngoài hoàn thành khóa học;

c) Báo cáo người có thẩm quyền về kết quả khắc phục các vi phạm dẫn đến việc đình chỉ để cho phép hoạt động trở lại.

3. Việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam chấm dứt trong những trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn quy định trong quyết định cho phép thực hiện hoặc quyết định điều chỉnh;

b) Theo đề nghị của cơ sở giáo dục;

c) Hết thời hạn đình chỉ thực hiện nhưng không khắc phục được vi phạm dẫn đến đình chỉ;

d) Vi phạm quy định của quyết định cho phép hoặc quyết định điều chỉnh ở mức độ pháp luật quy định phải chấm dứt.

4. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục khi bị chấm dứt việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam trước thời hạn.

a) Bảo đảm cho học sinh đang theo học chương trình giáo dục nước ngoài được tiếp tục học tập đến hết cấp học;

b) Bồi hoàn cho học sinh các khoản chi phí học sinh đã nộp trong trường hợp việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài bị chấm dứt hoạt động;

c) Thanh toán các khoản tiền lương, tiền công, thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giáo viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể phù hợp với quy định của pháp luật lao động;

d) Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

5. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền chấm dứt

a) Người có thẩm quyền phê duyệt thì có thẩm quyền chấm dứt;

b) Hồ sơ đề nghị chấm dứt việc thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài bao gồm: Đơn đề nghị chấm dứt theo Mẫu số... tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kèm theo phương án chấm dứt, các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, người lao động; phương án giải quyết tài chính, tài sản;

c) Hồ sơ đề nghị được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 37b Nghị định này;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, quyết định chấm dứt và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 53 như sau:

“2. Đối với cơ sở giáo dục nước ngoài: Có thời gian hoạt động giáo dục ít nhất là 05 năm ở nước sở tại; đã được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng giáo dục; đối với tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục: phải có các hoạt động liên quan đến giáo dục ít nhất 05 năm ở nước sở tại.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi, quyền hạn được giao, có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong lĩnh vực này tại địa phương.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Đối với cơ sở giáo dục đang thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam, trong thời gian 2 năm kể từ ngày Nghị định

này có hiệu lực thi hành phải thực hiện việc đăng ký theo quy định tại Điều 37a, Điều 37b của Nghị định này.

b) Trường hợp các cơ sở giáo dục đang làm thủ tục xin phép thành lập hoặc xin phép hoạt động mà chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép thành lập hoặc cho phép hoạt động giáo dục thì phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài cho học sinh Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị các tổ chức kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX(2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính